

Số: *101*/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày *10* tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Cho ý kiến về mức tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất, mức tỷ lệ (%) thu đối với đất xây dựng công trình ngầm, mức tỷ lệ (%) thu đối với đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI BA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Xét Tờ trình số 153/TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc đề nghị ban hành Nghị quyết cho ý kiến quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất, mức tỷ lệ (%) thu đối với đất xây dựng công trình ngầm, mức tỷ lệ (%) thu đối với đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất với đề xuất của Ủy ban nhân dân tỉnh về mức tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất, mức tỷ lệ (%) thu đối với đất xây dựng công trình ngầm, mức tỷ lệ (%) thu đối với đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

1. Mức tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất không thông qua hình thức đấu giá

a) Dự án khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh (trừ diện tích đất để làm mặt bằng xây dựng nhà xưởng, chế biến khoáng sản; đất xây dựng công trình phụ trợ; đất hành lang an toàn trong hoạt động khoáng sản; đất thực hiện dự án khai thác khoáng sản để sản xuất vật liệu xây dựng thông thường, áp dụng đơn giá thuê đất theo dự án thuê đất sản xuất kinh doanh thông thường tương ứng với địa bàn thực hiện dự án): 2,5%;

b) Dự án thuê đất tại các phường: Trung Vương, Phan Đình Phùng, Hoàng Văn Thụ, Đồng Quang, Quang Trung thuộc thành phố Thái Nguyên: 1,5%;

c) Dự án thuê đất tại các phường còn lại thuộc thành phố Thái Nguyên; các phường thuộc thành phố Sông Công (trừ phường Lương Sơn); phường Ba Hàng, phường Bãi Bông, phường Đồng Tiến thuộc thành phố Phổ Yên; thị trấn Hương Sơn thuộc huyện Phú Bình: 1,2%;

d) Dự án thuê đất tại các xã thuộc thành phố Thái Nguyên; phường Lương Sơn và các xã thuộc thành phố Sông Công; các phường, xã còn lại thuộc thành phố Phổ Yên; các xã thuộc huyện Phú Bình; thị trấn Hùng Sơn thuộc huyện Đại Từ; thị trấn Đu thuộc huyện Phú Lương (trừ các xã miền núi theo quy định của Chính phủ): 0,9%;

đ) Dự án thuê đất tại các xã, phường miền núi thuộc: Thành phố Thái Nguyên, thành phố Sông Công, thành phố Phổ Yên, huyện Phú Bình, huyện Đại Từ, huyện Phú Lương, huyện Đồng Hỷ; các thị trấn còn lại của các huyện Đồng Hỷ, Đại Từ, Phú Lương (trừ các xã miền núi khu vực III theo quy định của Chính phủ): 0,8%;

e) Dự án thuê đất tại các xã, thị trấn thuộc huyện Võ Nhai, huyện Định Hóa; các xã miền núi khu vực III; các dự án thuê đất, thuê mặt nước sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, chăn nuôi gia súc, gia cầm, nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh: 0,5%;

g) Dự án thuê đất để đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, dự án thuê đất của Nhà nước để đầu tư sản xuất trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp:

- Tại các phường: Trung Vương, Phan Đình Phùng, Hoàng Văn Thụ, Đồng Quang, Quang Trung thuộc thành phố Thái Nguyên: 0,75%;

- Tại các phường còn lại thuộc thành phố Thái Nguyên; các phường thuộc thành phố Sông Công (trừ phường Lương Sơn); phường Ba Hàng, phường Bãi Bông, phường Đồng Tiến thuộc thành phố Phổ Yên; thị trấn Hương Sơn thuộc huyện Phú Bình: 0,6%;

- Tại các địa phương khác trên địa bàn tỉnh: 0,5%.

2. Mức tỷ lệ phần trăm (%) thu đối với đất xây dựng công trình ngầm

a) Đối với đất được Nhà nước cho thuê để xây dựng công trình ngầm (không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất), đơn giá thuê đất được xác định như sau:

Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm, đơn giá thuê đất được tính bằng 20% của đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm có cùng mục đích sử dụng đất.

Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê, đơn giá thuê đất được tính bằng 20% của đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê có cùng mục đích sử dụng và thời hạn sử dụng đất.

b) Đối với đất xây dựng công trình ngầm gắn với phần ngầm công trình xây dựng trên mặt đất mà có phần diện tích xây dựng công trình ngầm vượt ra ngoài phần diện tích đất trên bề mặt có thu tiền thuê đất thì số tiền thuê đất phải nộp của phần diện tích vượt thêm này được xác định theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

3. Mức tỷ lệ phần trăm (%) thu đối với đất có mặt nước

a) Đối với trường hợp dự án thuê đất có phần diện tích đất có mặt nước thuộc các xã, thị trấn thuộc huyện Võ Nhai, Định Hóa; các xã miền núi khu vực III; các dự án sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh; đất có mặt nước sử dụng làm mặt bằng sản xuất, kinh doanh của dự án thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư, lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư thì đơn giá thuê đất có mặt nước trả tiền thuê đất hằng năm, đơn giá thuê đất có mặt nước trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê được tính bằng 50% của đơn giá thuê đất hằng năm hoặc đơn giá thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê của loại đất có vị trí liền kề với giả định có cùng mục đích sử dụng đất và thời hạn sử dụng đất với phần diện tích đất có mặt nước.

b) Đối với trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản 3 Điều này, đơn giá thuê đất có mặt nước trả tiền thuê đất hằng năm, đơn giá thuê đất có mặt nước trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê được tính bằng 70% của đơn giá thuê đất hằng năm hoặc đơn giá thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê của loại đất có vị trí liền kề với giả định có cùng mục đích sử dụng đất và thời hạn sử dụng đất với phần diện tích đất có mặt nước.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết và ban hành quyết định quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất, mức tỷ lệ (%) thu đối với đất xây dựng công trình ngầm, mức tỷ lệ (%) thu đối với đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ hai mươi ba thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Tài chính (Báo cáo);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (Báo cáo);
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XIV;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Kiểm toán nhà nước Khu vực X;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Thái Nguyên, Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn